

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 192/2006/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án "Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu đến năm 2010"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-TW ngày 01 tháng 07 năm 2004 của Bộ Chính trị (khoá IX) về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc bộ đến năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 87/2006/QĐ-TTg ngày 20 tháng 04 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu thời kỳ 2006 - 2020;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu tại Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 16 tháng 05 năm 2006 và của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 3065/BKH-TĐ&GSĐT ngày 03 tháng 05 năm 2006 và Công văn số 4141/BKH-TĐ&GSĐT ngày 07 tháng 06 năm 2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án "Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu đến năm 2010" với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu phát triển đến năm 2010

Mục tiêu tổng quát:

Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, đưa Lai Châu thoát ra khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn, rút ngắn khoảng cách phát triển so với các tỉnh trong vùng và trong cả nước.

Cải thiện rõ rệt hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội. Phát huy lợi thế về cửa khẩu, các tài nguyên khoáng sản, thủy điện, đất đai, khí hậu để phát triển các ngành kinh tế; tập trung xóa đói giảm nghèo, hoàn thành cơ bản định canh định cư; bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Gắn phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng - an ninh, ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia.

Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2010:

- Về kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng bình quân	Thời kỳ 2006 -2010
GDP	14 - 15%
Nông - lâm nghiệp, thủy sản	5 - 6%
Công nghiệp - xây dựng	26 - 27%
Dịch vụ	17 - 18%

Cơ cấu kinh tế của tỉnh Lai Châu đến năm 2010 là: nông, lâm nghiệp, thủy sản - công nghiệp - dịch vụ 32 - 35 - 33%. Đến năm 2010 GDP bình quân đầu người (giá năm 2006) đạt 7 triệu đồng (tăng 2 lần so với năm 2005, bằng 45% bình quân cả nước). Thu ngân sách trên địa bàn đạt 160 tỷ đồng. Tổng giá trị hàng xuất khẩu sản xuất tại địa phương đạt 10 triệu USD. Tổng sản lượng lương thực đạt trên 150.000 tấn, lương thực bình quân đầu người đạt khoảng 400 kg/người/năm, diện tích cây

chè đạt 4.500 ha, trong đó trồng mới 500 ha, diện tích cây thảo quả đạt 3.000 ha, trong đó trồng mới 1.000 ha, tỷ lệ tăng đàn gia súc đạt 6 - 7%.

- Về xã hội: tỷ lệ tăng dân số trung bình giai đoạn 2006 - 2010 đạt 2,2%/năm; quy mô dân số đến năm 2010 là 368 ngàn người. Mức giảm tỷ lệ sinh trung bình hàng năm 1,02 ‰. Cùng cố và giữ vững kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi vào năm 2008, hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2009, phát triển giáo dục mầm non. Đến năm 2010, 50% số xã có trạm y tế đạt tiêu chuẩn quốc gia, phấn đấu đạt 5 bác sĩ/1 vạn dân, 50% số trạm y tế xã có bác sĩ. Không còn hộ đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 30% (theo chuẩn nghèo mới); giải quyết việc làm cho 4.000 - 4.500 người/năm, tỷ lệ lao động được đào tạo đạt 25%; cai nghiện ma túy cho 1.000 lượt người/năm. Hàng năm có 100 làng, bản, khu phố đăng ký xây dựng cơ sở văn hóa, trong đó có ít nhất 30% được công nhận đạt cấp huyện và cấp tỉnh; 90% tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa; tăng cường và củng cố các cơ sở Đảng, nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp, xây dựng các tổ chức đoàn thể vững mạnh.

- Về an ninh, quốc phòng: hoàn thành cơ bản việc đưa dân trở lại biên giới; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn biên giới, xây dựng biên giới Việt

- Trung hoà bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển; ưu tiên đầu tư đồng bộ các hạ tầng thiết yếu để phục vụ sản xuất và dân sinh với các dự án đưa dân ra biên giới, các điểm dân cư ở gần cột mốc biên giới.

- Về hạ tầng: đến năm 2007, phấn đấu 100% số xã (hiện có) có đường ô tô đến trung tâm xã, đến năm 2010 có trên 70% tuyến đường giao thông nông thôn đi lại được các mùa trong năm. Đến năm 2010, 100% số xã và 80% số hộ được sử dụng điện; 100% số xã có mạng Internet đến trung tâm xã; 100% thị trấn được phủ sóng điện thoại di động; trên 80% số dân đô thị và 30% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch; trên 90% hộ dân được nghe đài phát thanh, trên 80% hộ dân được xem truyền hình bằng tiếng dân tộc.

- Về môi trường: độ che phủ của rừng đạt trên 45% vào năm 2010.

- Di dân tái định cư: thực hiện tái định cư cho các hộ dân nằm trong vùng ngập của dự án thủy điện Sơn La và các dự án thủy điện khác; đảm bảo cho các hộ dân tái định cư có cuộc sống tốt hơn nơi ở cũ.

2. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực

a) Nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn: đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, lựa chọn một số cây, con có ưu thế để tập trung phát triển, chuyển sang sản xuất hàng hóa, gắn với công nghiệp chế biến và các thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Nông nghiệp: bảo đảm an ninh lương thực trên địa bàn, đến năm 2010 đạt mức bình quân 400 kg/người/năm. Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, áp dụng rộng rãi công nghệ giống và kỹ thuật canh tác tiên tiến vào sản xuất để tăng năng suất lúa, ngô. Hình thành các vùng sản xuất lương thực tập trung năng suất cao. Phát triển cây chè theo hướng thâm canh tăng năng suất, chất lượng cao, đến năm 2010 có 4.500 ha. Phát triển cây thảo quả, khuyến khích phát triển những cây công nghiệp ngắn ngày thích hợp với điều kiện của tỉnh như: bông, lạc, đậu tương v.v... cung ứng giống có chất lượng cao trong chăn nuôi, làm tốt công tác thú y, vận động đồng bào chuyển đổi tập quán chăn thả sang chăn nuôi theo các trang trại. Tăng nhanh số lượng đàn trâu, bò, đến năm 2010 đạt 111.500 con trâu, 20.700 con bò, hàng năm có khoảng 8 - 10 nghìn tấn thịt trâu, bò hơi cung cấp cho thị trường. Cần có cơ chế và giải pháp phù hợp để đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

- Thủy sản: phát triển nuôi trồng thủy sản, tiến tới nuôi trồng tập trung, quy mô lớn khi các hồ thủy điện Sơn La, Lai Châu, Huổi Quảng, Bản Chát v.v... đưa vào sử dụng.

- Lâm nghiệp: làm tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng, phấn đấu nâng độ che phủ rừng từ 37,5% năm 2005 lên trên 45% vào năm 2010 để phát huy chức năng rừng phòng hộ đầu nguồn, điều tiết nguồn nước cho các công trình thủy điện. Phát triển trồng rừng tập trung đặc biệt là các loại cây gỗ lớn và gỗ nguyên liệu công nghiệp, lâm sản có năng suất và giá trị kinh tế cao phục vụ ngành công nghiệp chế biến tiêu dùng trong nước và xuất khẩu như công nghiệp giấy, ván dăm, hàng mộc gia dụng.

Giai đoạn 2006 - 2010 phấn đấu trồng mới 10.000 ha, khoanh nuôi tái sinh thêm 100.000 ha rừng. Bảo tồn khu vực rừng nguyên sinh, hình thành khu bảo tồn thiên nhiên ở sườn Tây Nam dãy Hoàng Liên Sơn và phát triển du lịch sinh thái. Có chính sách đầu tư thỏa đáng cho các xã đặc biệt khó khăn vùng cao, biên giới, thiếu đất sản xuất nông nghiệp chuyển sang sống bằng nghề trồng, khoanh nuôi bảo vệ rừng phòng hộ. Xem xét việc phát triển cây cao su trên địa bàn các xã biên giới thuộc các huyện Phong Thổ, Sìn Hồ, Mường Tè.

- Xây dựng nông thôn: quy hoạch sắp xếp lại dân cư, định canh, định cư, ổn định và cải thiện đời sống đồng bào các dân tộc. Xây dựng các công trình thủy lợi, các điểm tái định cư, khai hoang 3.000 ha ruộng nước giai đoạn 2006 - 2010. Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn bao gồm điện, đường giao thông, nước sinh hoạt, thủy lợi, hệ thống trường học, trạm xá... hình thành thêm nhiều làng nghề và trang trại kinh tế nông - lâm nghiệp.

b) Công nghiệp - xây dựng: phát triển các ngành công nghiệp có ưu thế như thủy điện, công nghiệp chế biến nông - lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản, tiểu thủ công nghiệp truyền thống và các cơ sở công nghiệp phục vụ chương trình tái định cư các dự án thủy điện. Từ nay đến 2010 phấn đấu hình thành khu công nghiệp Phong Thổ (sản xuất xi măng, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng) và hình thành một số cụm công nghiệp tại thị xã Lai Châu, Nậm Hàng (Mường Tè), Pu Sam Cáp (Sìn Hồ), thị trấn Than Uyên...

- Thủy điện: cùng với việc triển khai xây dựng các nhà máy thủy điện Lai Châu, Bản Chát và Huổi Quảng, tiến hành khảo sát, quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ.

- Khoáng sản: thăm dò khai thác mỏ vàng ở Pu Sam Cáp. Điều tra thăm dò các mỏ đất hiếm, đồng, chì, kẽm, tổ chức khai thác thu gom các mỏ nhỏ, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư khai thác gắn với chế biến khoáng sản trên địa bàn.

- Sản xuất vật liệu xây dựng: mở rộng công suất khai thác đá đen ở Nậm Ban (Sìn Hồ), nghiên cứu thăm dò khai thác, chế biến đá màu, đá trắng phục vụ xây dựng và xuất khẩu. Xây dựng nhà máy gạch Tuynel, nhà máy xi măng với công suất phù hợp